

BIỂU TỔNG HỢP
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 7 NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày ///2025 của UBND phường Lý Văn Lâm)

<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện tháng 7 năm 2025	Lũy kế 7 tháng năm 2025	So với kế hoạch năm 2025 (%)
1	Giữ vững và nâng chất các tiêu chí phường đạt chuẩn văn minh đô thị, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Tiêu chí	Đạt	Đạt		
2	Sản xuất nông nghiệp					
-	Diện tích gieo sạ lúa	Ha	2,250	1,125	1,125	50
-	Diện tích lúa tøm	Ha	660			
-	Năng suất lúa	Tấn	5.1			
-	Tổng sản lượng lúa	Tấn	14,841			
-	Diện tích rau màu	Ha	234	17	152	65.0
-	Diện tích trồng dưa hấu	Ha	75	10	11,4	15.2
-	Diện tích cây dừa	Ha	84			
3	Nuôi trồng thủy sản		1,934			
-	Diện tích nuôi tôm luân canh	Ha	572	519	519	90.73
-	Diện tích nuôi tôm QCCT	Ha	1,362	123	1,261	92.58
-	Diện tích nuôi cá hồ ao	Ha	80	80	80	100
-	Tổng sản lượng, trong đó:		1,900		1,083	
+	Sản lượng tôm	Tấn	1,410	1,299	1,299	92.15
+	Cá hồ ao	Tấn	320	118	118	36.88
+	Thủy sản khác	Tấn	170	125	125	73.52
-	Phát triển đàn gia cầm	Con	60,000	6,359	37,309	62,18
-	Phát triển đàn gia súc	Con	4,000	679	2,899	72,47
4	Xây dựng cơ bản					
-	Lộ giao thông	Mét	2,000		2,064	103.2
-	Hẻm	M2	1,000		2,888	288.8
5	Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện an toàn	%	100			
6	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99.95			
7	Thu, chi ngân sách					
-	Thu ngân sách	Triệu đồng	26,450	2,970	13,717	51.86
-	Chi ngân sách	Triệu đồng	22,079	3,500	14,908	67.52
7	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	86			
8	Giáo dục, y tế					
-	Tỷ lệ trẻ em vào mẫu giáo	%	98		100	100
-	Tỷ lệ trẻ em vào lớp 1	%	100		100	100
-	Tỷ lệ công nhận hết chương trình tiểu học	%	100		100	100
-	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	%	100		100	100
-	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	95	91,51	91,51	
-	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	90	37,61	37,61	41.78
-	Tỷ lệ dân số có sổ khám bệnh điện tử	%	20	35,14	35,14	175.7
9	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0.69	0,67	0,67	
10	Văn hóa - xã hội					
-	Khóm, ấp văn hóa	Khóm, ấp	Đạt			

-	Công nhận gia đình văn hóa	Gia đình	10,780			
-	Công nhận gia đình thể thao	Gia đình	5,270			
-	Giảm hộ nghèo	Hộ	2			
-	Giảm hộ cận nghèo	Hộ	6			
-	Vận động quỹ ĐODN CBCC	Triệu đồng	30.720		31.00	100.9
-	Xây dựng, sửa chữa nhà tình nghĩa	Căn		5	5.00	100
-	Vận động quỹ VNN CBCC	Triệu đồng	15.36		15.36	100
-	Xây dựng nhà đại đoàn kết	Căn	7		14	200
-	Giải quyết việc làm ngoài tỉnh	Người	740	373	373	50.4
-	Giải quyết việc làm trong tỉnh	Người	700	595	595	85
-	Xuất khẩu lao động	Người	9	1	1	11.1
-	Dạy nghề cho đối tượng chính sách LĐNT và Chương trình xây dựng NTM	Người	140			
-	Hướng nghiệp dạy nghề	Người	70			
-	Tập huấn nghiệp vụ khác	Người	180	92	92	51
11	Xây dựng LLDQTV và tuyển quân					
-	Xây dựng LLDQTV	Người	303		Đạt	
	Huấn luyện lực lượng dân quân	Người	254		Đạt	
-	Tuyển quân	Người	22		22	100
12	Thu quỹ PCTT					
-	Đóng quỹ của CBCCVC phường	Triệu đồng	2,339	1,224	1,224	52.33
-	Đóng quỹ của công dân trên địa bàn phường	Triệu đồng	84,140	44,480	44,480	52.86

